

Số: 1517/QĐ-UBND

Thoại Sơn, ngày 24 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng
xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đến năm 2040.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 03/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đến/2035;

Căn cứ Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Thoại Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Ban hành Quy định “Xã nông thôn mới kiểu mẫu” tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo số 1638/TB-SXD ngày 01/6/2021 của Sở xây dựng tỉnh An Giang về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch nông thôn mới trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 1753/SXD-QH ngày 19/5/2023 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc ý kiến Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế Hạ tầng tại Tờ trình số 159/TTr-KTHT ngày 24/05/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đến năm 2040 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn đến năm 2040.

2. Qui mô, phạm vi và ranh giới lập quy hoạch:

Xã Mỹ Phú Đông nằm về phía Tây Bắc của huyện Thoại Sơn. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch là toàn bộ ranh giới hành chính của xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Diện tích đất tự nhiên toàn xã 3.089,4 ha; Dân số toàn xã 3.903 người. (theo Niên giám thống kê huyện Thoại Sơn năm 2021). Ranh giới hành chính của xã được xác định như sau:

- + Phía Đông giáp xã Định Mỹ;
- + Phía Tây giáp xã An Bình và xã Tây Phú;
- + Phía Nam giáp xã Vọng Đông và xã Thoại Giang;
- + Phía Bắc giáp xã Vĩnh Phú.

3. Mục tiêu của quy hoạch và tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:

3.1. Mục tiêu:

- Rà soát, đánh giá và cập nhật các quy hoạch xây dựng và các dự án còn hiệu lực trên địa bàn xã, tình hình triển khai thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt để lập quy hoạch chung đảm bảo tuân thủ các văn bản pháp quy hiện hành và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2040;

- Đảm bảo thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới cấp xã, có liên quan theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, góp phần định hướng xây dựng xã giữ vững, duy trì xã nông thôn mới nâng cao đã đạt chuẩn, hướng tới nâng chất đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu mới của Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025, xây dựng sớm đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu, góp phần phát triển nông thôn bền vững;

- Là quy hoạch nhằm định hướng phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, gia tăng giá trị sản xuất nhằm nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững nhằm mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho người nông dân, góp phần nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho người nông dân và cư dân nông thôn;

- Phát huy tiềm năng, lợi thế, tài nguyên đặc trưng, huy động mọi nguồn lực, đa dạng hóa ngành nghề nông thôn nhằm nâng cao thu nhập cho người dân góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, địa hình cảnh quan; đảm bảo các yêu cầu về quốc phòng, an ninh;

- Điều chỉnh việc sử dụng đất để tạo cơ sở pháp lý lập kế hoạch khai thác và sử dụng quỹ đất một cách hợp lý tạo không gian kiến trúc cảnh quan phù hợp với sự phát triển của xã;

- Đề xuất phát triển hệ thống các điểm dân cư nông thôn tập trung. Đề xuất phân bố không gian xây dựng công nghiệp, dịch vụ, tổ chức phát triển giao thông nông thôn;

- Cụ thể hóa quy hoạch chung xây dựng vùng tỉnh, vùng huyện, làm cơ sở xác định các dự án đầu tư và lập các quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn;

- Làm cơ sở pháp lý để chính quyền các cấp quản lý, kiểm soát quy hoạch, đầu tư xây dựng và phát triển theo quy hoạch được duyệt, đúng quy định.

3.2. Tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo của xã:

- Xã Mỹ Phú Đông là xã thuần nông. Tiềm năng và động lực chính của xã là thế mạnh về sản xuất lúa chất lượng cao và các sản phẩm từ nông nghiệp: bắp, ớt, rau màu các loại, nuôi trồng thủy sản,...Nông nghiệp là nền tảng kinh tế chủ yếu, dịch vụ và công nghiệp là động lực cho phát triển.

- Thu hút đầu tư gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng chuyển dịch hợp lý từ nông nghiệp sang công nghiệp và thương mại, dịch vụ.

- Phát triển kinh tế xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa địa phương và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp – TTCN, dịch vụ theo quy hoạch.

4. Dự báo về quy mô dân số, lao động, quy mô đất xây dựng toàn xã trong thời hạn quy hoạch và phân kỳ quy hoạch.

4.1. Dự báo quy mô dân số:

Tổng quy mô dân số toàn xã năm 2021 là 3.903 người/1.059 hộ. Mật độ dân số 126 người/km². Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,0%.(theo Niên giám thống kê huyện Thọai Sơn năm 2021).

+ Dự báo quy mô dân số đến năm 2025: khoảng 4.059 người.

+ Dự báo quy mô dân số đến năm 2040: khoảng 4.254 người.

4.2. Dự báo quy mô lao động:

+ Dự báo quy mô lao động đến năm 2025: khoảng 2.508 người.

+ Dự báo quy mô lao động đến năm 2040: khoảng 2.629 người.

4.3. Quy mô đất xây dựng toàn xã: 3.089,4 ha.

4.4. Thời gian quy hoạch:

- Thời hạn quy hoạch chung xã đến năm 2040;

- Phân kỳ quy hoạch là 5 năm:

5. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật chủ yếu:

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu sử dụng đất (Theo QCVN 01/2021/BXD)	Lựa chọn chỉ tiêu cho mỗi giai đoạn quy hoạch
1	Chỉ tiêu sử dụng đất			
-	Đất xây dựng công trình nhà ở	m ² /người	≥25	≥25
-	Đất xây dựng các công trình dịch vụ	m ² /người	≥5	≥5
-	Đất cây xanh công cộng	m ² /người	≥2	≥2
-	Đất nông lâm nghiệp, đất công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp, đất phục vụ sản xuất.		Tùy thuộc vào quy hoạch phát triển của từng địa phương	
2	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu sử dụng đất (Theo QCVN 01/2021/BXD)	Lựa chọn chỉ tiêu cho mỗi giai đoạn quy hoạch
-	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	m ² /người	≥5	≥5
-	Cấp nước sinh hoạt (Qsh)	lít/ng/ng-đ	≥60	≥60
-	Thoát nước thải	%Qsh	≥80	≥80
-	Rác thải/ Tỷ lệ thu gom	kg/ng-ng	≥0,8/85%	≥0,8/85%
-	Cấp điện sinh hoạt	W/người	≥150	≥150

6. Các yêu cầu trong quá trình lập đồ án quy hoạch:

6.1. Phân tích đánh giá hiện trạng:

- Phân tích đánh giá hiện trạng bao gồm: Hiện trạng về điều kiện tự nhiên, hiện trạng sử dụng đất, nhà ở, các công trình công cộng, dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật, sản xuất, môi trường.

- Xác định các yếu tố tác động của vùng xung quanh ảnh hưởng đến phát triển không gian trên địa bàn xã: Vị trí địa lý kinh tế của xã đối với vùng xung quanh, định hướng phân bố dân cư, phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất của vùng xung quanh.

- Rà soát, đánh giá các dự án và các quy hoạch còn hiệu lực trên địa bàn xã: Cập nhật toàn bộ các dự án đầu tư xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận đầu tư. Cập nhật các quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch chi tiết, và các quy hoạch khác... đã được phê duyệt và còn hiệu lực trên địa bàn xã.

- Xác định tiềm năng, động lực chính phát triển kinh tế - xã hội của xã: Đặc điểm kinh tế xã hội của xã, cơ cấu kinh tế, các ngành kinh tế chủ đạo, lực lượng lao động, các điểm thuận lợi về mặt vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hệ thống hạ tầng,... đối với phát triển kinh tế - xã hội của xã.

6.2. Tổ chức không gian tổng thể toàn xã, tổ chức, phân bố các khu chức năng:

+ Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo thôn, bản. Xác định quy mô dân số, tính chất, nhu cầu đất ở cho từng khu dân cư mới và thôn, bản;

+ Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ; xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn, bản;

+ Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn, bản cũ; xác định các chỉ tiêu quy hoạch, định hướng kiến trúc cho từng loại hình ở phù hợp với đặc điểm của địa phương;

+ Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp;

+ Định hướng tổ chức kết hợp các khu chức năng khác trên địa bàn xã tuân thủ quy hoạch cấp trên, quy hoạch ngành, khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (nếu có).

6.3. Quy hoạch sử dụng đất:

+ Quy hoạch các loại đất trên địa bàn xã cập nhật phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện;

+ Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển theo các giai đoạn 5 năm, 10 năm và các thông số kỹ thuật chính cho từng loại đất, cụ thể: đất nông nghiệp, đất xây dựng và các loại đất khác;

+ Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất.

6.4. Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Định hướng quy hoạch xây dựng hệ thống công trình hạ tầng, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi xã. Xác định khung hạ tầng phục vụ sản xuất như: đường nội đồng, kênh mương thủy lợi;

- Xác định vị trí quy mô cho các công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: đường trục xã, đường liên ấp, cao độ nền, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải và nghĩa trang;

6.4.1. San nền:

Thực hiện theo Quyết định số 56/2020/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 quy định về cao độ thiết kế cho các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.

6.4.2. Hệ thống giao thông:

+ Giao thông bộ:

Quy hoạch giao thông kết nối liên hoàn với đường tỉnh, đường huyện. Kết cấu và bề rộng mặt đường phải phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương nhưng phải đáp ứng yêu cầu phục vụ cho cơ giới hoá nông nghiệp, phù hợp phương tiện vận chuyển và phải đạt yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022.

+ Giao thông thủy:

Tận dụng hệ thống sông ngòi, kênh rạch hiện có tổ chức mạng lưới đường thủy phục vụ người dân đi lại, vận chuyển giao thương hàng hoá.

6.4.3. Cấp nước:

+ Nguồn nước: sử dụng nguồn nước sinh hoạt từ nhà máy cấp nước của địa phương.

+ Cấp nước đảm bảo các chỉ tiêu:

• Nước cấp cho sinh hoạt: ≥ 60 lít/người/ngày đêm;

- Cấp nước đến vị trí lấy nước công cộng: ≥ 40 lít/người/ngày đêm.
- Nước cấp cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp $\geq 8\%$ lượng nước cấp cho sinh hoạt;
- Nước cấp cho cụm công nghiệp tập trung đảm bảo quy định QCVN 01:2021/BXD;

6.4.4. Cấp điện:

- + Phải đảm bảo cung cấp điện cho tất cả các hộ gia đình và nhu cầu sản xuất;
- + Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt điểm dân cư nông thôn cần đảm bảo đạt tối thiểu là 150W/người;
- + Nhu cầu điện cho công trình công cộng: $> 15\%$ nhu cầu điện sinh hoạt;
- + Nhu cầu điện phục vụ sản xuất phải tính toán dựa trên các yêu cầu cụ thể của từng cơ sở sản xuất;
- + Chiều sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$.

6.4.5. Thông tin liên lạc:

Xác định nhu cầu công trình hạ tầng viễn thông. Dự báo các loại hình dịch vụ viễn thông mạng thông tin; xác định nhu cầu sử dụng, xây dựng mạng truyền thông, quy hoạch mạng lưới thông tin,...

6.4.6. Thoát nước, vệ sinh môi trường:

- Thoát nước thải:

+ Nước thải thu gom đạt 80% lượng nước thải phát sinh để xử lý. Nước thải sinh hoạt: phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu về môi trường. Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại.

+ Nước thải từ cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề phải được thu gom ra hệ thống tiêu thoát riêng và xử lý đạt yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Rác thải: rác thải sinh hoạt và sản xuất phải được xe thu gom rác chuyên về bãi rác và xử lý tại các cơ sở xử lý rác tập trung. Rác thải: 0,8kg/người-ngày

6.5. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường:

- Thực hiện theo Điểm e, Khoản 1, Điều 18 của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng:

- Đánh giá hiện trạng, xác định các vấn đề môi trường chính tại khu vực lập quy hoạch;

- Dự báo tác động và diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch;

- Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện.

6.6. Các nhiệm vụ khác:

+ Lập Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã: nội dung theo quy định tại khoản 1 điều 20 Nghị định 44/2015/NĐ-CP và phải có các sơ đồ kèm theo.

+ Lập Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn tích hợp vào đồ án quy hoạch chung xây dựng xã theo Khoản 2, Điều 13, Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

7. Hồ sơ thực hiện:

7.1. Phần thuyết minh:

- Thuyết minh tổng hợp (kèm bản vẽ thu nhỏ khổ giấy A3);
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

7.2. Phần bản vẽ: Các bản vẽ quy hoạch phải được thể hiện trên nền bản đồ địa hình hoặc địa chính cùng tỷ lệ và phù hợp với hiện trạng tại thời điểm lập quy hoạch. Gồm có:

Stt	Ký hiệu	Tên sản phẩm	Tỷ lệ
1	QH-01	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	1/50.000-1/100.000
2	QH-02	Bản đồ hiện trạng tổng hợp, đánh giá đất xây dựng	1/5.000-1/10.000
3	QH-03	Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn xã	1/5.000-1/10.000
4	QH-04	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất	1/5.000-1/10.000
5	QH-05	Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường; hạ tầng phục vụ sản xuất	1/5.000-1/10.000

* Thành phần và nội dung hồ sơ quy hoạch được thực hiện theo quy định:

+ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

+ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

8. Nguồn kinh phí thực hiện: Vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Quy mô dân số dự báo theo thời hạn quy hoạch trong nhiệm vụ quy hoạch được duyệt (không kể dự báo theo tầm nhìn) đến năm 2040 và định mức chi phí tại Bảng số 9 - Phụ lục số 1 (Thông tư 20/2019/TT-BXD): **3.903 người**.

+ Chi phí lập đồ án quy hoạch : 136.858.000 đồng

+ Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	:	24.123.000	đồng
+ Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	:	4.386.000	đồng
+ Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	:	15.303.000	đồng
+ Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	:	13.188.000	đồng
+ Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng	:	5.000.000	đồng
+ Chi phí tổ chức công bố đồ án quy hoạch	:	5.000.000	đồng

Tổng dự toán chi phí lập: 203.858.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm lẻ ba triệu, tám trăm năm mươi tám ngàn đồng).

9. Tổ chức thực hiện:

Chủ đầu tư phối hợp với Tổ chức tư vấn lập quy hoạch có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án quy hoạch trước khi trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Cập nhật các hồ sơ tài liệu có liên quan làm cơ sở cho việc thiết kế kết nối không gian đô thị và hạ tầng tại khu vực cho phù hợp.

- Cơ quan thỏa thuận: Sở Xây dựng tỉnh An Giang.
- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn.
- Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Thoại Sơn.
- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú Đông.
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Công ty TNHH KT QH XD N.T.B

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch; Trưởng phòng Kinh tế Hạ tầng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch UBND xã Mỹ Phú Đông, Thủ trưởng các Phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBND huyện;
- CBTH.XD;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Thành Được